

Bản án số: 16/2024/KDTM-ST
Ngày: 28 - 02 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ và
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân;

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thiện Quang là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2023/TLST-KDTM ngày 05 tháng 7 năm 2023 về: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ và mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2024/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần Đ; Trụ sở: 628/27 H, phường T, Quận A, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn T - Chức danh: Tổng giám đốc; Địa chỉ: 6 H, phường T, Quận A, TP . - Vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Đ1; Trụ sở: A V, Phường B, quận B, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Ngọc C - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên; Địa chỉ: Tổ A (Tổ B cũ), thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của Công ty cổ phần Đ và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/8/2020, Công ty cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) là nhà thầu phụ, có ký “Hợp đồng kinh tế (V/v cung cấp đất, vận chuyển bùn dư ra khỏi công trường)” với Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 (gọi tắt là Công ty Đ1) có địa chỉ tại: Tầng D, số A, ngõ H, phố N, phường G, quận B, thành phố Hà Nội do ông Phạm Văn H, Tổng Giám đốc là người đại diện. Nội dung hợp đồng: Công ty Đ vận chuyển bùn, đất từ công trình đến bãi tập kết, vận chuyển xà bần; cung cấp cát, đá đến công trình thuộc dự án: Nạo vét kiên cố rạch Tám Giáo đoạn từ Rạch S đến đường T thuộc phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng khu vực Quận A làm Chủ đầu tư.

Sau khi hoàn thành hợp đồng, ngày 02/7/2021 Công ty Đ và Công ty Đ1 đã lập Biên bản xác nhận công nợ số 01/2021/CT-WTO, xác định giá trị công việc Công ty Đ đã hoàn thành là 1.072.759.997 đồng (Một tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng), Công ty Đ1 đã thanh toán được 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và còn nợ lại số tiền là 772.759.997 đồng (Bảy trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng).

Đến ngày 25/7/2021 Công ty Đ1 thanh toán thêm cho Công ty Đ được 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Số tiền Công ty Đ1 còn nợ Công ty Đ là: 672.759.997 đồng (Sáu trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng). Sau rất nhiều lần ông Phạm Văn H - Giám đốc Công ty Đ1 hứa hẹn và cam kết trả nợ nhưng cho đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền còn lại cho Công ty Đ. Hiện nay, Công ty Đ không liên lạc được với Công ty Đ1 và tra cứu trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Bộ K và Đầu tư thì được biết Công ty Đ1 đã thay đổi địa trụ sở về quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và thay đổi cả người đại diện theo pháp luật.

Nay, Công ty Đ khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 12 là nơi thực hiện hợp đồng buộc Công ty Đ1 phải thanh toán số tiền còn nợ là 672.759.997 đồng (Sáu trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng), yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty Đ1 và người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Theo Biên bản lấy lời khai của ông Đinh Ngọc C là người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ1 thì ông C là đại diện theo pháp luật của Công ty Đ1 từ ngày 24/3/2022 nên không biết về Công ty Đ1 trước đó, không có ký kết hợp đồng hay có liên quan gì đến bất kỳ công trình nào với Công ty Đ1. Ông Đinh Ngọc C do bận công việc nên không tham gia tố tụng được, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vắng mặt có đơn xin vắng mặt, đã có bản tự khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn cũng có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn; chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là 672.759.997 đồng (Sáu trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện ngày 10/8/2020, Công ty cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) có ký hợp đồng với Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 (gọi tắt là Công ty Đ1) về việc Công ty Đ vận chuyển bùn, đất ra khỏi công trường; cung cấp cát, đá các loại đến công trình thuộc dự án: Nạo vét kiên cố rạch Tám Giáo đoạn từ Rạch S đến đường T thuộc phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên phát sinh tranh chấp nên có cơ sở xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ và mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Hai bên không có thỏa thuận Tòa án giải quyết tranh chấp. Phía nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân Quận 12 là Tòa án nơi thực hiện hợp đồng để giải quyết. Theo hợp đồng hai bên ký kết thì công việc mà Công ty Đ phải thực hiện tại công trình thuộc dự án: Nạo vét kiên cố rạch Tám Giáo đoạn từ Rạch S đến đường T thuộc phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty Đ do ông Vũ Văn T là người đại diện theo pháp luật và bị đơn là Công ty Đ1 do ông Đinh Ngọc C là người đại diện theo pháp luật cùng vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Công ty Đ1 không giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là 672.759.997 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định ngày 10/8/2020, giữa Công ty Đ và Công ty Đ1 có ký kết hợp đồng kinh tế về việc Công ty Đ vận chuyển bùn, đất ra khỏi công trường; cung cấp đất, cát, đá các loại đến công trình thuộc dự án: Nạo vét kiên cố rạch Tám Giáo đoạn từ Rạch S đến đường T thuộc phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng khu vực Quận A làm Chủ đầu tư. Theo biên bản xác nhận công nợ mà hai bên xác nhận ngày 02/7/2021 thì Công ty Đ1 nợ tiền vật tư của Công ty Đ là 1.072.759.997 đồng, Công ty Đ1 đã thanh toán được 300.000.000 đồng, còn nợ lại 772.759.997 đồng. Đến ngày 25/7/2021 Công ty Đ1 thanh toán thêm cho Công ty Đ được 100.000.000 đồng, còn nợ lại là: 672.759.997 đồng (Sáu trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng). Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ nêu trên là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Xét việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Từ những nhận định, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 74, Điều 86, Điều 87, Điều 297 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đ:

1.1. Buộc Công ty TNHH Đ1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần Đ số tiền còn nợ theo “Hợp đồng kinh tế (V/v cung cấp đất, vận chuyển bùn dư ra khỏi công trường)” ngày 10/8/2020 và Biên bản xác nhận công nợ số 01/2021/CT-WTO ngày 02/7/2021 là 672.759.997 đồng (Sáu trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi bảy đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 30.910.400 đồng (Ba mươi triệu, chín trăm mười nghìn, bốn trăm đồng) do Công ty TNHH Đ1 chịu;

2.2. Trả lại cho Công ty cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.455.200 đồng (Mười lăm triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm đồng) theo Biên lai thu số 0030343 ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Điệp